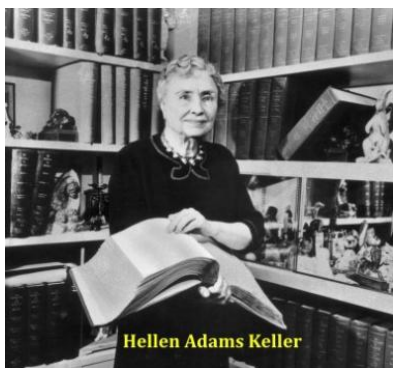


NGƯỜI PHỤ NỮ PHI THƯỜNG



Trong thập niên 1960 của thế kỷ XX, hai bộ phim (một tài liệu và một phim truyện) cùng nói về cuộc đời của một phụ nữ đã được trao hai giải Oscar, gây xôn xao ngành công nghiệp giải trí thế giới. Người phụ nữ phi thường đó là Helen Adams Keller – người khiếm thị đầu tiên trên thế giới nhận bằng đại học, rồi trở thành Tiến sĩ danh dự của Đại học Harvard và nhiều trường đại học danh tiếng khác.

Helen Adams Keller (27/6/1880 – 1/6/1968) là nhà văn, nhà hoạt động chính trị và giảng viên người Mỹ. Bà là người mù và điếc đầu tiên nhận được bằng Thạc sĩ Nghệ thuật. Câu chuyện về cô giáo của bà, Anne Sullivan, vượt qua sự cô lập gần như hoàn toàn trong sự thiếu vắng ngôn ngữ để dạy bà cách giao tiếp và nhận thức thế giới được biết tới rộng rãi trên thế giới qua vở kịch và bộ phim *The Miracle Worker* – Người Lao động Phi thường.

Đã có 7 Tổng thống Mỹ và Thủ tướng của nhiều nước dành thời gian tiếp kiến bà. Helen Keller đã cất công đi khắp thế giới để nói với những người cùng cảnh ngộ một điều giản dị: *"Khuyết tật không phải là bất hạnh tột cùng của con người. Người mù không phải là thiên tài cũng không phải là một kẻ ngốc. Trách nhiệm của cộng đồng là giúp đỡ người đó làm hết khả năng của mình để có thể chiến thắng ánh sáng qua công việc"*... Bằng tất cả những nỗ lực phi thường, Helen Keller đã viết nên 12 cuốn sách – 12 bài ca huy hoàng nhất về sự vươn lên của con người...

Helen Adams Keller là người Mỹ gốc Đức, sinh ngày 27/6/1880 tại Tuscombia thuộc vùng Tây Bắc Alabama. Trong 19 tháng đầu tiên của cuộc đời, Helen là một bé gái bụ bẫm, xinh xắn, đáng yêu, suốt ngày líu lo như chim hót. Nhưng chỉ sau một trận sốt bại não, cô bé đã mất đi gần như tất cả các khả năng giao tiếp của một con người: không nhìn thấy ánh sáng, không nghe thấy âm thanh... Phải rất lâu sau khi Helen bình phục, cha mẹ cô bé mới nhận thấy các dấu hiệu bất bình thường đó. Họ đã trải qua tất cả các nấc thang tâm lý khi phải đối mặt với một sự thật quá phũ phàng: hoảng sợ, chạy trốn, phủ nhận, giấu giếm nỗi đau, bế tắc... Nhưng may thay, cuối cùng họ đã thoát ra được tất cả các trạng thái tâm lý đó và đã gắng làm tất cả những việc có thể để cứu cô bé khỏi thế giới mù lòa. Và việc làm có ý nghĩa lớn lao nhất của họ là đã tìm được những vị "cứu tinh" cho cuộc đời khốn khổ của cô bé.

Vị "cứu tinh" đầu tiên của Helen là Alexander Graham Bell. Lúc bấy giờ Bell là một nhà chuyên môn làm việc tại trường của trẻ em điếc. Nhờ có ông, Helen mới có cơ hội được gặp gỡ Anagnos – Hiệu trưởng Học viện Y khoa Perkins kiêm Giám đốc Bệnh viện tâm thần Massachusetts. Chính Anagnos đã tìm cho Helen một "vị cứu tinh" thứ hai, người được tôn vinh là "thiên sứ của ánh sáng" đã đưa cô bé quay trở lại với cuộc sống và trở thành người có ích cho xã hội.

Cô giáo của Helen tên là Anne Sullivan, 20 tuổi, người Irland, là một người có hoàn cảnh khá đặc biệt. Cô mồ côi cả cha lẫn mẹ, cũng từng sống trong thế giới mù lòa suốt mười lăm năm trời. Cô đã tốt nghiệp Học viện Y khoa Perkins và nhờ hai lần phẫu thuật mắt nên đã

lấy lại được một phần thị lực. Thấm thía nỗi đau của một người đã từng sống trong bóng tối, khi được Anagnos giới thiệu làm gia sư cho Helen, Anne đã nhận lời, với hy vọng cứu vớt một sinh linh khổ khổ.

Thật khó có thể kể hết những gian nan vất vả của Helen trên hành trình tìm đến với “ánh sáng”. Đáng rằng Helen may mắn gặp được cô giáo Anne có trái tim nhân hậu, có kỹ năng sư phạm, song nếu cô bé Helen chẳng chịu hợp tác với cô giáo, chấp nhận buông trôi cuộc đời mình vĩnh viễn trong tăm tối thì cô giáo Anne cũng đành phải bó tay. Nhưng Helen đã không chịu đầu hàng số phận, đã nhẫn nại tìm hiểu ý nghĩa của từng từ một và cố gắng viết lại từ đó trên lòng bàn tay. Cảm giác về cái ngày 5/4/1887, cái ngày Helen hiểu và viết lại được từ đầu tiên là từ “nước” ấy sẽ không bao giờ phai mờ trong ký ức của cô bé.

Trong cuốn tự truyện “Cuộc Đời Tôi”, Helen Keller đã ghi lại cảm xúc kỳ diệu của mình vào thời khắc đó: *“Lúc đó chúng tôi đi ra giếng nước trong vườn và ngất ngây trước hương thơm ngào ngạt của loài hoa honey-suckle. Cô giáo tôi viết từ “water” (nước) vào tay tôi trong khi rót một dòng nước mát lạnh vào tay kia, tôi đứng lặng cảm nhận cử động ngày càng nhanh của các ngón tay của Anne. Bất thành linh một cảm giác mơ hồ, bị lãng quên từ lâu đã sống dậy trong tôi. Một cảm xúc trào dâng và không sao hiểu nổi sự bí ẩn của ngôn ngữ bỗng đứng hé mở với tôi. Tôi nằm trên chiếc giường nhỏ và trải qua cái ngày có ý nghĩa trọng đại vô cùng trong đời tôi. Lần đầu tiên tôi chờ đợi một ngày mai với một tâm trạng háo hức”.*

Sau khi được cô Anne dắt vào thế giới của ngôn từ, Helen bắt đầu được cô dạy chữ braille (chữ nổi dành cho người khiếm thị) và sử dụng chiếc máy chữ dành cho người khiếm thị. Lên mười tuổi, Helen được Mary Swift Lamson dạy nói. Cuối cùng thì sau chín năm im lặng, cô bé mù và điếc đã biết nói: *“Bây giờ tôi không còn câm nữa”.*



Helen Keller và cô Anne Sullivan

Năm 16 tuổi, Helen vào học trường nữ sinh Cambridge và 4 năm sau trở thành sinh viên mù, điếc đầu tiên của Đại học Radcliffe. Tất nhiên là cô giáo Anne đã phải học cùng với Helen ở tất cả các cấp học. Helen luôn có cô Anne ngồi cạnh để viết lại nội dung bài giảng vào lòng bàn tay, còn cô dùng máy chữ để ghi lại bài giảng. Số lượng bài vở khổng lồ ở Đại học Radcliffe là một thách thức cực kỳ to lớn đối với cả hai cô trò, nhưng với sự kiên định của mình, Helen không chỉ hoàn thành tất cả các yêu cầu của một sinh viên, mà còn viết nên cuốn sách đầu tiên của cuộc đời bằng chữ braille, cuốn “Cuộc Đời Tôi”. Cuốn sách được xuất bản năm 1903, trước khi Helen nhận bằng cử nhân một năm, đã gây xôn xao dư luận toàn nước Mỹ và đưa cô gái mù lòa vào đội ngũ các nhà văn thế giới. “Cuộc Đời Tôi” đã nhận được giải thưởng Văn học

Mỹ, trở thành một trong những cuốn sách kinh điển của văn học thế giới và sau đó được chuyển thể thành kịch bản “Người Sáng Tạo Kỳ Tích”.

Làm gì sau khi tốt nghiệp đại học để kiếm sống là một câu hỏi khá hóc búa đối với Helen. Nếu chỉ trông vào nhuận bút của những cuốn sách, chắc chắn cô sẽ không thể tự nuôi sống bản thân, càng không thể trả lương cho cô Anne và cô thư ký Poly Thomson. Thế là Helen nảy ra sáng kiến đi diễn thuyết để kiếm tiền. Cùng với Anne, Helen bắt đầu những cuộc

thuyết trình vòng quanh thế giới. Thù lao thu được từ những buổi diễn thuyết xuyên lục địa đó đã đảm bảo cho hai cô trò cuộc sống tương đối đầy đủ. Về sau, khi nhu cầu nghe của khán thính giả giảm dần, họ chuyển sang làm kịch vui và thu được thành công vang dội, với thù lao khoảng hai ngàn đôla mỗi tuần.

Không chỉ nuôi sống bản thân và thực hiện những dự án văn chương, Helen còn nỗ lực phấn đấu vì quyền lợi của người mù, trước hết trên toàn nước Mỹ, sau đó là toàn thế giới. Helen đã dùng chính ngôi nhà của mình làm trụ sở để gây quỹ từ thiện giúp người mù và điếc. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, cùng với nữ thư ký Polly Thomson, Helen đã đến Nhật, Australia, Nam Phi để gây quỹ cho tổ chức "Những Người Mù Hải Ngoại".

Trong hai cuộc chiến tranh thế giới, Helen đã có mặt tại hơn 70 bệnh viện để an ủi, động viên thương bệnh binh kiên cường chống chọi với số phận, làm cho họ hiểu rằng tàn phế không có nghĩa là hết hy vọng trước cuộc sống. Trong ba lần tới nước Nhật, bà được nhân dân Tokyo tiếp đón nồng nhiệt. Bà kể với mọi người rằng, mình chỉ là một người không may mắn nhưng đã dùng ý chí nghị lực để chống trả lại số phận trớ trêu, nhằm mang lại tình thương và sự bù đắp cho người tàn tật.

Trong khi không ngừng phấn đấu vì quyền lợi của người mù, Helen vẫn dành nhiều thời gian và tâm huyết để hoàn thành những cuốn sách của cuộc đời. Cùng với "Cuộc Đời Tôi", Helen còn viết "Thế Giới Trong Tôi", "Cô Giáo Của Tôi"... Trong "Cô Giáo Của Tôi", Helen đã dùng những lời đẹp nhất, có ý nghĩa nhất để tri ân đối với cô giáo Anne: "*Nếu không có Anne thì chẳng bao giờ thế giới biết đến cái tên Helen Keller*". Không giống như những cuốn sách khác, hành trình "Cô giáo của tôi" đến với công chúng khá đặc biệt. Khi bản thảo "Cô Giáo Của Tôi" đã hoàn thành, chuẩn bị đưa in thì bị thiêu cháy cùng với ngôi nhà của Helen. Phải mất tới vài năm, Helen mới viết lại được bản thảo "Cô Giáo Của Tôi".

Trong bộ ba Helen, Anne, Poly Thomson, Anne là người rời bỏ cuộc sống sớm nhất. Bà mất năm 1936, khi Helen 56 tuổi và 24 năm sau, Poly Thom Sơn cũng từ trần, để lại Helen đơn độc trên cõi đời. Đó là hai người thân thiết nhất đối với Helen, họ vừa là tai, vừa là mắt, vừa là miệng để Helen nhìn, sống, và cống hiến cho cuộc đời những gì bà đã trải nghiệm, đã giác ngộ.

Đây là một số câu danh ngôn "nổi bật" của bà Hellen Adams Keller:

- Tôi đã khóc vì không có giày để đi chỉ đến khi tôi gặp một người khóc vì không có chân để đi giày.
- Những gì tốt đẹp nhất phải được cảm nhận bằng trái tim.
- Lạc quan là niềm tin dẫn tới thành tựu. Bạn chẳng thể làm được điều gì mà thiếu đi hy vọng và sự tự tin.
- Tính cách không thể phát triển một cách dễ dàng và yên lặng. Chỉ qua trải nghiệm thử thách và gian khổ mà tâm hồn trở nên mạnh mẽ hơn, hoài bão hình thành và thành công đạt được.

– Chúng ta không bao giờ có thể học được sự can đảm và kiên nhẫn nếu chỉ có niềm vui trên thế gian này.

– Điều tôi đi tìm không ở ngoài kia, nó ở trong bản thân tôi.

Bà Hellen Adams Keller là một phụ nữ phi thường đáng khâm phục, bà là tấm gương vượt khó để chúng ta phải cố gắng noi theo.

Thánh Phaolô xác định: *"Nếu phải tự hào thì tôi sẽ tự hào về những yếu đuối của tôi"* (2 Cr 11:30).

Tại sao lại hãnh diện về sự yếu đuối của mình? Thánh Phaolô bộc bạch: *"Để tôi khỏi tự cao tự đại vì những mặc khải phi thường tôi đã nhận được, thân xác tôi như đã bị một cái dằm đâm vào, một thủ hạ của Satan được sai đến vả mặt tôi, để tôi khỏi tự cao tự đại. Đã ba lần tôi xin Chúa cho thoát khỏi nỗi khổ này. Nhưng Người quả quyết với tôi: 'Ơn của Thầy đã đủ cho anh, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối'. Thế nên tôi rất vui mừng và tự hào vì những yếu đuối của tôi, để sức mạnh của Đức Kitô ở mãi trong tôi.¹⁰ Vì vậy, tôi cảm thấy vui sướng khi mình yếu đuối, khi bị sỉ nhục, hoạn nạn, bắt bớ, ngặt nghèo vì Đức Kitô. Vì khi tôi yếu, chính là lúc tôi mạnh"* (2 Cr 12:7-10).

(sưu tầm và tổng hợp)